

Số: **211**/BC-THPTTT

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA TRƯỜNG THPT THẠCH THẮT THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG NĂM 2026

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THPT Thạch Thắt

2. Địa chỉ: Số 120, Đường 420, Xã Thạch Thắt, TP. Hà Nội.

3. Loại hình trường: Trường THPT Thạch Thắt là trường công lập trực thuộc Sở GDĐT Hà Nội.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu

4.1. Sứ mệnh:

Tạo dựng Trường Trung học phổ thông Thạch Thắt trở thành một môi trường thuận lợi để học sinh có cơ hội rèn luyện và được bồi dưỡng thường xuyên các kỹ năng cần thiết cho tương lai, đặc biệt là nhóm kỹ năng học tập đỉnh cao, nhóm kỹ năng mềm và nhóm kỹ năng sống còn.

Cung cấp nền tảng kiến thức vững chắc cho học sinh bằng nhiều phương pháp giáo dục hiện đại, giúp các em tiếp cận tri thức của nhân loại một cách nhẹ nhàng và tự nhiên nhất.

Giúp các học sinh phát huy hết những năng lực tiềm ẩn của chính mình, với một văn hoá giáo dục hiện đại, với những cách thức giao tiếp, truyền đạt mới mẻ, là thành phần tiên phong cho việc nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục Quốc gia Việt Nam.

4.2. Tầm nhìn:

Hướng tới xây dựng trường THPT Thạch Thắt xứng tầm trên thành phố Hà Nội, môi trường giáo dục có chất lượng giúp học sinh được chuẩn bị cách tốt nhất để trở thành nguồn nhân lực chất lượng phù hợp với yêu cầu phát triển của Đất nước.

Tiếp tục hoàn thiện phong cách giáo viên và học sinh trên cơ sở kế thừa truyền thống yêu nước, dạy giỏi, học giỏi đồng thời kiến tạo phẩm chất gắn với yêu cầu của thời đại.

Nhà trường là nơi học tập uy tín, chất lượng, an toàn, đầy sự cảm thông chia sẻ, tạo cơ hội công bằng cho mọi học sinh, mọi gia cảnh. Học sinh được trau dồi kiến thức, phát triển khả năng chuyên biệt, được trang bị các giá trị sống, rèn luyện các kỹ năng mềm và định hướng được nghề nghiệp, làm nền tảng vững chắc cho tương lai các em.

Là nơi đào tạo ra những con người mạnh khỏe về thể chất, có kiến thức, kỹ năng tốt đáp ứng với sự phát triển của đất nước và thế giới.

4.3. Giá trị cốt lõi của nhà trường:

Nhân cách: nhân cách đóng vai trò hết sức quan trọng đối với cuộc đời của một con người. Trường THPT Thạch Thắt vạch ra chiều hướng cho sự hình thành và phát triển nhân cách của học sinh và dẫn dắt sự hình thành và phát triển nhân cách của học sinh nhằm giúp các em trở thành những người tốt, những công dân có ích cho xã hội.



Trí Tuệ: Trí tuệ được thể hiện qua tư duy sáng tạo của mỗi người, trí tuệ có nhiều cấp độ khác nhau. Đối với con người chúng ta, tri thức quan trọng nhưng nó chưa là gì so với trí tuệ. Vì suy cho cùng, tri thức chỉ là một nền tảng sơ khai ban đầu để rèn luyện trí tuệ mà thôi. Ý thức được điều đó, thầy và trò trường THPT Thạch Thất đã, đang và sẽ không ngừng trau dồi, rèn luyện để nâng cao trí tuệ.

Sáng Tạo: là một phẩm chất cốt lõi của mỗi người công dân của thế kỷ 21. Với vai trò tiên phong trong công cuộc đổi mới và phát triển giáo dục, giáo viên và học sinh nhà trường luôn phải vượt lên chính mình, tự làm mới chính mình để thực hiện sứ mệnh tiếp nối và phát triển. Vì vậy Nhà trường cũng sẽ là một điển hình Sáng tạo trong áp dụng các tiên bộ khoa học để xây dựng chương trình giáo dục, phương pháp dạy học hiện đại, tiên tiến, chất lượng tạo tiền đề để các em học sinh tự chủ và sáng tạo trong học tập và công việc trong tương lai.

4.4. Mục tiêu:

Giáo dục phổ thông nhằm phát triển toàn diện cho người học về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo; hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho người học tiếp tục học chương trình giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp hoặc tham gia lao động, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Giáo dục trung học phổ thông nhằm trang bị kiến thức công dân; bảo đảm cho học sinh củng cố, phát triển kết quả của giáo dục trung học cơ sở, hoàn thiện học vấn phổ thông và có hiểu biết thông thường về kỹ thuật, hướng nghiệp; có điều kiện phát huy năng lực cá nhân để lựa chọn hướng phát triển, tiếp tục học chương trình giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp hoặc tham gia lao động, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức vững chuyên môn, giỏi nghiệp vụ; thống nhất trong tư tưởng và hành động; tự tin, nhạy bén, linh hoạt trong giao tiếp, tâm huyết với nghề, yêu mến ngôi trường mình đang công tác và đáp ứng được yêu cầu phát triển giáo dục của nhà trường. Nâng cao chất lượng và hiệu quả học tập của học sinh trên các mặt “Đức - Trí - Thể - Mỹ”; giáo dục học sinh các đức tính: trung thực, tự tin, khát vọng vươn lên, nhạy bén thích nghi với môi trường; biết tôn trọng, biết lắng nghe và bày tỏ chính kiến của mình.

Xây dựng môi trường sư phạm hiện đại, có đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ dạy và học để phát triển các phẩm chất và năng lực cho học sinh; tạo lập môi trường thân thiện giữa thầy và trò, giữa nhà trường và cha mẹ học sinh học sinh. Quan tâm đời sống vật chất, tinh thần cho tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh; tạo môi trường giáo dục thân thiện, lành mạnh, từng bước xây dựng “Trường học hạnh phúc” để mỗi ngày đến trường là một ngày vui. Đổi mới và đa dạng hóa các loại hình tư vấn hướng nghiệp, chọn ngành nghề cho học sinh phù hợp với năng lực bản thân và nhu cầu xã hội trong giai đoạn mới.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Năm học 1966 - 1967, trường Phổ thông cấp 3 Thạch Thất chính thức được thành lập với 7 lớp học, 298 học sinh và 18 cán bộ giáo viên. Trường ra đời giữa lúc giặc Mĩ bắn phá ác liệt nên phải đi sơ tán nhiều nơi và được các cấp chính quyền, nhân dân địa phương cùng cha mẹ học sinh giúp đỡ tận tình. Thời kì này đất nước vô cùng khó khăn, trường PTTH Thạch Thất cũng không nằm ngoài những khó

TR
VGH
HA
PS

khăn, thách thức ấy. Với đồng lương nhà giáo ít ỏi, nhiều gia đình các thầy cô phải tăng gia sản xuất,... nhưng các thầy cô vẫn miệt mài với từng trang giáo án, vẫn say sưa trong từng bài giảng, vẫn tận tụy yêu nghề thương trẻ. Biết bao thế hệ học sinh hiểu học, vượt nghèo, vượt khổ nỗ lực học tập và đã không phụ lòng mong mỏi của thầy cô và gia đình. Năm 1976, trường Phổ thông cấp 3 Thạch Thất, được UBND tỉnh Hà Sơn Bình quyết định cho xây dựng cơ sở trường mới với 24 phòng học và đưa vào sử dụng từ năm học 1977-1978 tại xã Kim Quan. Do qui mô của trường không ngừng lớn mạnh, năm học 1982-1983, Trường tách một phân hiệu tại đặt xã Bình Phú. Năm học 1985-1986, từ phân hiệu này trường THPT Phùng Khắc Khoan chính thức ra đời. Thực hiện chủ trương đa dạng hóa các loại hình giáo dục, năm học 1997-1998, Trường THPT Bán công Thạch Thất được thành lập trên cùng một khuôn viên và chung cơ sở vật chất với trường công lập. Kể từ năm học 2008-2009, trường bán công không còn tồn tại. Mái trường THPT Thạch Thất nổi tiếng bởi truyền thống dạy tốt - học tốt, nơi đây đã là một trong những chiếc nôi đào tạo nhiều hiền tài cho đất nước. Trường đã vinh dự được tặng thưởng nhiều phần thưởng, danh hiệu cao quý của Đảng và Nhà nước: Huân chương Lao động hạng Ba, Huân chương Lao động hạng Nhì

Hiện nay, trường đóng trên địa bàn xã Thạch Thất, Thành phố Hà Nội. Với diện tích 21.047,8 m², cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp. Trường có 03 dãy nhà cao tầng, đủ số phòng học và các phòng chức năng, phòng làm việc cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh; có đủ trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giáo dục.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

- + Người đại diện pháp luật: Vũ Đức Vượng
- + Chức vụ: Hiệu trưởng
- + Địa chỉ nơi làm việc: Số 120, Đường 420, Xã Thạch Thất, TP Hà Nội
- + Số điện thoại: 02433842517
- + Email: c3thachthat@hanoiedu.vn

7. Tổ chức bộ máy

7.1. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:

7.2. Quyết định điều động, bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

Hiệu trưởng: Vũ Đức Vượng

+ Ngày tháng năm sinh: 10/6/1975

+ Bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng trường THPT Thạch Thất ngày 30 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định số 192/QĐ-SGDĐT ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội

Phó hiệu trưởng: Nguyễn Lễ

+ Ngày tháng năm sinh: 02/5/1969

+ Bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường THPT Thạch Thất ngày 10 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định số 3137/QĐ-SGDĐT ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội

Phó hiệu trưởng: Kiều Bá Chiến



+ Bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường THPT Thạch Thất ngày 12 tháng 9 năm 2025 theo Quyết định số 2262/QĐ-SGDĐT ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng theo vị trí việc làm, trình độ đào tạo, hạng chức danh nghề nghiệp và đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp:

+ Số lượng CBQL, GV có trình độ đào tạo trên đại học: 19 người

+ Số lượng CBQL, GV là giáo viên THPT hạng II: 40 người

+ Số lượng CBQL, GV xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp: 88 người

| TT | Vị trí việc làm | Tổng số | Trình độ đào tạo | | | | | Hạng chức danh nghề nghiệp | | | Chuẩn nghề nghiệp | | | | |
|--------------|-----------------------|-----------|------------------|-----------|-----------|----------|----------|----------------------------|--------|-----------|-------------------|-----|-----------|----------|--|
| | | | TS | Th.s | ĐH | CD | TC | Khác | Hạng I | Hạng II | Hạng III | Tốt | Khá | Đạt | |
| I | Cán bộ quản lý | 3 | | 3 | | | | | | 3 | | | 3 | | |
| II | Giáo viên | 90 | | 16 | 74 | | | | | 37 | 53 | | 84 | 2 | |
| 1 | Ngữ văn | 10 | | | 10 | | | | | 2 | 8 | | 10 | | |
| 2 | Toán | 15 | | 3 | 12 | | | | | 6 | 9 | | 14 | 1 | |
| 3 | Tiếng Anh | 12 | | 2 | 10 | | | | | 4 | 8 | | 12 | | |
| 4 | GDTC | 6 | | | 6 | | | | | 2 | 4 | | 3 | 1 | |
| 5 | GDQP-AN | 2 | | | 2 | | | | | 1 | 1 | | 2 | | |
| 6 | Lịch sử | 5 | | 1 | 4 | | | | | 2 | 3 | | 4 | | |
| 7 | Địa lý | 5 | | 1 | 4 | | | | | 3 | 2 | | 5 | | |
| 8 | GD KT-PL | 4 | | 1 | 3 | | | | | 3 | 1 | | 4 | | |
| 9 | Vật lý | 9 | | 2 | 7 | | | | | 4 | 5 | | 9 | | |
| 10 | Hóa học | 7 | | 2 | 5 | | | | | 3 | 4 | | 7 | | |
| 11 | Sinh học | 4 | | 2 | 2 | | | | | 3 | 1 | | 4 | | |
| 12 | Tin học | 5 | | 2 | 3 | | | | | 2 | 3 | | 5 | | |
| 13 | Công nghệ | 5 | | 0 | 5 | | | | | 2 | 3 | | 5 | | |
| 14 | Âm nhạc | 0 | | 0 | 0 | | | | | | | | | | |
| 15 | Mĩ thuật | 1 | | 0 | 1 | | | | | | 1 | | | | |
| III | Nhân viên | 14 | | | 5 | 4 | 5 | | | | | | | | |
| III.1 | Viên chức | 6 | | | 3 | 2 | 1 | | | | | | | | |
| 1 | Thiết bị | 2 | | | 2 | | | | | | | | | | |
| 2 | Thư viện | 1 | | | | 1 | | | | | | | | | |
| 3 | Văn thư | 1 | | | | | 1 | | | | | | | | |
| 4 | Kế toán | 1 | | | 1 | | | | | | | | | | |
| 5 | Thủ quỹ | 1 | | | | 1 | | | | | | | | | |
| 6 | Y tế | | | | | | | | | | | | | | |
| III.2 | Hợp đồng 111 | 8 | | | 2 | 2 | 4 | | | | | | | | |
| 1 | Bảo vệ | 4 | | | | | 4 | | | | | | | | |
| 2 | Phục vụ | 1 | | | | 1 | | | | | | | | | |
| 3 | Y tế | 1 | | | | 1 | | | | | | | | | |
| 4 | Giáo viên Ngữ Văn | 2 | | | 2 | | | | | | | | | | |



2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định:

| STT | Nội dung | Tổng số | Hoàn thành bồi dưỡng năm học 2025-2026 | | Ghi chú |
|-----|-------------------------|-----------|--|------------|---------|
| | | | Số lượng | % | |
| | Tổng số CBQL, GV | 95 | 95 | 100 | |
| 1 | Cán bộ quản lý | 3 | 3 | 100 | |
| 2 | Giáo viên | 92 | 92 | 100 | |

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Tình hình cơ sở vật chất, trang thiết bị

- Tổng diện tích đất: 21.047,8 m². Tổng diện tích sử dụng: 21.047,8m²

- Bình quân diện tích đất/học sinh: 10.45m²

1.1. Phòng học văn hóa:

| Phòng học | Tổng số | Chia ra | | |
|-------------------|---------|---------|-------|-----|
| | | Kiên cố | Cấp 4 | Tạm |
| Phòng học văn hóa | 24 | 24 | | |

1.2. Phòng bộ môn (thực hành, thí nghiệm):

| Phòng bộ môn | Tổng số | Diện tích | Đạt chuẩn | Chưa đạt chuẩn (ghi rõ nội dung chưa đạt) |
|--|-------------|-----------|-----------|--|
| 1. Vật lý | 01 | 108 | x | |
| <i>Phòng chuẩn bị</i> | <i>01</i> | <i>30</i> | <i>x</i> | |
| 2. Hóa học | 01 | 108 | x | |
| <i>Phòng chuẩn bị</i> | <i>01</i> | <i>30</i> | <i>x</i> | |
| 3. Sinh học | 01 | 108 | x | |
| <i>Phòng chuẩn bị</i> | <i>01</i> | <i>30</i> | <i>x</i> | |
| 4. Công nghệ | 01 | 135 | x | |
| <i>Phòng chuẩn bị</i> | <i>0</i> | | | |
| 5. Ngoại ngữ | 02 | 240 | x | |
| 6. Tin học | 02 | 200 | x | |
| <i>Số máy vi tính</i> | <i>93</i> | | | |
| 7. Phòng Âm nhạc | 01 | 135 | x | |
| 8. Phòng Mỹ thuật | 01 | 135 | x | |
| 9. Phòng khoa học xã hội | 0 | | | |
| 10. Phòng đa năng | 01 | 135 | x | |
| 11. Thư viện | 1 | 108 | x | |
| <i>Số lượng sách, tài liệu tham khảo</i> | <i>8132</i> | <i>x</i> | <i>x</i> | |
| 12. Nhà thể chất | 01 | 945 | x | |
| 13. Phòng Y tế | 01 | 20 | x | |



09h

1.3. Nhà vệ sinh:

+ Nhà vệ sinh dành cho học sinh: Tổng số: 24 nhà

Trong đó: Đạt chuẩn Chưa đạt chuẩn

+ Nhà vệ sinh cho giáo viên: Tổng số: 6 nhà

Trong đó: Đạt chuẩn Chưa đạt chuẩn

1.4. Tình hình trang thiết bị:

| Nội dung | Tổng số | Đang sử dụng | Đề nghị thay thế |
|------------------------------|---------|--------------|------------------|
| 1. Bàn ghế học sinh | 520 | 520 | 0 |
| + Loại 1 chỗ ngồi | 480 | 480 | 0 |
| + Loại 2 chỗ ngồi | 40 | 40 | 0 |
| 2. Bàn ghế giáo viên | 40 | 40 | 0 |
| 3. Bảng | 33 | 33 | 0 |
| Trong đó: Bảng thông minh | 0 | | |
| 4. Máy vi tính | 93 | 93 | 0 |
| Chia ra: | 73 | 73 | 0 |
| + Dùng cho HS | | | |
| + Dùng cho Quản lý | 20 | 20 | 0 |
| + Kết nối Internet | 93 | 93 | 0 |
| 5. Số máy in, máy scan | 10 | 10 | 0 |
| 6. Máy chiếu Projecter | 30 | 30 | 10 |
| 7. Máy photocopy | 01 | 01 | 01 |
| 8. Tivi | 04 | 04 | 0 |
| 9. Khác | | | |

2. Tài liệu học tập sử dụng chung

2.1. Danh mục sách giáo khoa, tài liệu học tập sử dụng chung

| STT | Môn học | Tên bộ sách được lựa chọn | Nhà xuất bản |
|-----|--------------|---------------------------|--------------|
| 1 | Toán | Kết nối tri thức | NXB giáo dục |
| 2 | Ngữ Văn | Kết nối tri thức | NXB giáo dục |
| 3 | Tiếng Anh | Global success | NXB giáo dục |
| 4 | Vật lí | Kết nối tri thức | NXB giáo dục |
| 5 | Hóa Học | Kết nối tri thức | NXB giáo dục |
| 6 | Sinh Học | Kết nối tri thức | NXB giáo dục |
| 7 | Tin học | Kết nối tri thức | NXB giáo dục |
| 8 | Công nghệ CN | Kết nối tri thức | NXB giáo dục |
| 9 | Lịch sử | Kết nối tri thức | NXB giáo dục |
| 10 | Địa lí | Kết nối tri thức | NXB giáo dục |
| 11 | Công nghệ NN | Kết nối tri thức | NXB giáo dục |

| | | | |
|----|--------------|------------------|--------------|
| 12 | GDKT-PL | Kết nối tri thức | NXB giáo dục |
| 13 | GDQP-AN | Kết nối tri thức | NXB giáo dục |
| 14 | GDTC | Kết nối tri thức | NXB giáo dục |
| 15 | Hoạt động TN | Kết nối tri thức | NXB giáo dục |
| 16 | Mỹ thuật | Kết nối tri thức | NXB giáo dục |

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Nhà trường đã được đánh giá Kiểm định chất lượng giáo dục năm 2026; Đạt mức 3 theo Quyết định số 1490/QĐ-SGDĐT ngày 26/02/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

Nhà trường đã được công nhận chuẩn Quốc gia mức độ 2 theo Quyết định số 1988/QĐ- SGDĐT ngày 10/4/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục năm học 2025-2026

1.1. Kết quả tuyển sinh, tổng số học sinh theo từng khối lớp khi kết thúc năm học 2025-2026, cụ thể:

| Khối | Số lớp | Số học sinh | Sĩ số bình quân/lớp |
|------|--------|-------------|---------------------|
| 10 | 15 | 673 | 45 |
| 11 | 15 | 673 | 45 |
| 12 | 15 | 672 | 45 |

1.2. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ GDĐT, số lượng học sinh được lên lớp, không được lên lớp:

| STT | Nội dung | Tổng số | Chia ra theo khối lớp | | |
|-----------|--|---------|-----------------------|--------|--------|
| | | | Lớp 10 | Lớp 11 | Lớp 12 |
| I | Số học sinh chia theo hạnh kiểm | 2018 | 673 | 673 | 672 |
| 1 | Tốt | 2000 | 670 | 658 | 672 |
| | (tỷ lệ so với tổng số) | 99,11 | 99,55 | 97,77 | 100 |
| 2 | Khá | 18 | 3 | 17 | 0 |
| | (tỷ lệ so với tổng số) | 0,89 | 0,45 | 2,23 | 0 |
| 3 | Đạt (tỷ lệ so với tổng số) | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số) | 0 | 0 | 0 | 0 |
| II | Số học sinh chia theo học lực | | | | |
| 1 | Tốt | 1731 | 512 | 570 | 649 |
| | (tỷ lệ so với tổng số) | 85,78 | 76,08 | 84,7 | 96,58 |
| 2 | Khá | 287 | 161 | 103 | 23 |
| | (tỷ lệ so với tổng số) | 14,22 | 23,92 | 15,3 | 3,42 |
| 3 | Đạt | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | (tỷ lệ so với tổng số) | 0 | 0 | 0 | 0 |

| | | | | | |
|----|-------------------------------------|-----------|----------|----------|----------|
| 4 | Chưa đạt | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | (tỷ lệ so với tổng số) | 0 | 0 | 0 | 0 |
| V | Số học sinh nữ/Tổng số | 1105/2018 | | | |
| VI | Số học sinh dân tộc thiểu số | 27 | | | |

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng

| STT | Chỉ tiêu | Số tiền |
|------------|--|-----------------------------|
| I | Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính năm 2025 báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau: | |
| 1 | Phần thu | |
| 1.1 | Số kinh phí ngân sách thực nhận năm 2025: | 25.241.705.000 |
| | Ngân sách đặt hàng | 23.117.030.000 |
| | Kinh phí NSNN cấp bù miễn giảm học phí theo ND81 cấp năm 2025 | 778.572.500 |
| | Hỗ trợ chi phí học tập | 14.400.000 |
| | Kinh phí Nghị quyết 15 hỗ trợ HS cận nghèo | 4.512.500 |
| | Kinh phí tiền thưởng thực hiện Nghị quyết 08/NQ-HĐND | 1.327.190.000 |
| 1.2 | Kinh phí nguồn học phí và thu khác | |
| 2 | Phần chi | 23.574.000.000 |
| 2.1 | Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); | 21.380.000.000 |
| 2.2 | Chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mượn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); | 1.183.000.000 |
| 2.3 | Chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); | 39.940.000 |
| 2.4 | Chi khác | 971.060.000 |
| II | Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển. | |
| 1 | Năm học 2025-2026 | |
| | Nước uống | 10.000 đồng/ học sinh/tháng |
| 2 | Dự kiến Năm học 2026-2027 | |



| STT | Chỉ tiêu | Số tiền |
|------------|---|-----------------------------|
| | Nước uống | 10.000 đồng/ học sinh/tháng |
| 3 | Dự kiến Năm học 2027-2028 | |
| | Nước uống | 10.000 đồng/ học sinh/tháng |
| III | Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học năm 2025. | 18.912.500 |
| 1 | Kinh phí miễn, giảm học phí | |
| 2 | Kinh phí Nghị quyết 15 hỗ trợ HS cận nghèo | 4.512.500 |
| 3 | Chi trả hỗ trợ chi phí học tập theo quy định | 14.400.000 |
| IV | Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có) năm 2025. | 1.262.820.576 |
| 1 | Quỹ phúc lợi | 628.810.576 |
| 2 | Quỹ bổ sung thu nhập | 218.010.000 |
| 3 | Phát triển HDSN | 316.000.000 |
| 4 | Quỹ Khen thưởng | 100.000.000 |

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Các hoạt động tập thể, giáo dục toàn diện

Đảng bộ nhà trường luôn nêu cao vai trò lãnh đạo toàn diện. Tổ chức học tập đầy đủ Nghị quyết, chỉ thị của các cấp uỷ Đảng. 100% cán bộ Đảng viên đều hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; Các Chi bộ thực hiện tốt công tác phát triển đảng viên. Đến nay, Đảng bộ nhà trường đã có 58 Đảng viên, trong đó có 12 đảng viên là học sinh. Năm 2025 Đảng bộ được công nhận: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Đoàn trường luôn xung kích trong mọi nhiệm vụ chính trị của nhà trường, tích cực tham gia các hoạt động của địa phương. Năm 2025 Đoàn trường được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

2. Công tác sửa sang cơ sở vật chất, y tế học đường

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch rà soát, sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất nhằm đảm bảo các điều kiện tốt nhất phục vụ công tác dạy học và các hoạt động giáo dục trong năm học mới.

Tiến hành kiểm tra, sửa chữa hệ thống phòng học, phòng chức năng, phòng thí nghiệm, thư viện, khu hiệu bộ, nhà đa năng, khu vệ sinh và các công trình phụ trợ; khắc phục kịp thời những hạng mục xuống cấp.

Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống điện, nước, quạt, đèn chiếu sáng, máy chiếu, thiết bị dạy học, bàn ghế học sinh, bảng viết và các trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy.

Chăm sóc, chỉnh trang khuôn viên nhà trường; cắt tỉa cây xanh, vệ sinh môi trường, bảo đảm cảnh quan xanh – sạch – đẹp – an toàn.

Kiểm kê, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học, văn phòng phẩm theo nhu cầu thực tế của các tổ chuyên môn và các bộ phận.

Chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ công tác chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học.

Đối với công tác y tế học đường, nhà trường:

Kiên toàn bộ phận y tế trường học, chuẩn bị đầy đủ thuốc, vật tư, trang thiết bị sơ cấp cứu ban đầu theo quy định.

Vệ sinh, khử khuẩn trường lớp, bảo đảm nguồn nước sạch và an toàn vệ sinh thực phẩm.

Xây dựng phương án phòng, chống dịch bệnh, phòng chống tai nạn thương tích; phối hợp với cơ sở y tế địa phương trong công tác chăm sóc sức khỏe học sinh.

Tuyên truyền, giáo dục học sinh thực hiện tốt vệ sinh cá nhân, giữ gìn môi trường học đường an toàn, lành mạnh.

3. Công tác an ninh trật tự, quản lý học sinh

Nhà trường xác định công tác bảo đảm an ninh trật tự, an toàn trường học là nhiệm vụ thường xuyên, góp phần xây dựng môi trường giáo dục an toàn, kỷ cương, thân thiện.

Xây dựng và triển khai kế hoạch bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn trường học; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các bộ phận, cán bộ, giáo viên trong công tác quản lý học sinh.

Phối hợp chặt chẽ với Công an địa phương, chính quyền, Ban đại diện cha mẹ học sinh trong việc bảo đảm an ninh khu vực trường học, an toàn giao thông và phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật.

Rà soát, bổ sung nội quy nhà trường; tổ chức cho học sinh học tập nội quy, quy chế, cam kết chấp hành pháp luật, bảo đảm an toàn giao thông, phòng chống bạo lực học đường, phòng chống ma túy, thuốc lá điện tử và các tệ nạn xã hội.

Phát huy vai trò của giáo viên chủ nhiệm, Đoàn Thanh niên, tổ tư vấn tâm lý học đường trong công tác quản lý, giáo dục và hỗ trợ học sinh.

Tăng cường công tác nắm bắt tình hình học sinh; kịp thời phát hiện, phối hợp xử lý các trường hợp có biểu hiện vi phạm nội quy hoặc có nguy cơ mất an toàn.

Kiểm tra, rà soát hệ thống camera an ninh, phương tiện phòng cháy chữa cháy, các điều kiện bảo đảm an toàn trường học; xây dựng phương án ứng phó với các tình huống khẩn cấp.

Duy trì nền nếp trực lãnh đạo, trực bảo vệ; kiểm soát người và phương tiện ra vào trường theo đúng quy định, góp phần bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, kỷ cương và hiệu quả.

4. Kết quả các cuộc thi năm học 2025-2026

* Kết quả của học sinh:

- Trong cuộc thi Olympic các môn văn hóa cấp cụm trường THPT Thạch Thất xuất sắc giành được: 16 giải Nhất, 16 giải Nhì, 15 giải Ba, 6 giải Khuyến khích; xếp thứ 1 trong cụm trường THPT số 12.

- Trong kỳ thi học sinh giỏi cấp thành phố, học sinh nhà trường đã giành 27 giải trong đó: 04 giải nhất (Em Bùi Sinh Nhật Việt đạt giải nhất môn Toán, Em Cán Đức Anh đạt giải Nhất môn Hoá, Em Nguyễn Đăng Hiếu đạt giải nhất môn Sinh,



Em Nguyễn Mạnh Hùng đạt giải Nhất môn Tin), 08 giải Nhì, 04 giải Ba và 11 giải Khuyến khích. Xếp thứ 9 của thành phố Hà Nội.

- Trong cuộc thi giải toán trên máy tính cầm tay, học sinh nhà trường đạt 02 giải Ba của em Nguyễn Trung Khánh lớp 12A5 và em Bùi Sinh Nhật Việt lớp 12A05. Học sinh nhà trường đạt giải khuyến khích Cuộc thi “*Tìm hiểu kiến thức pháp luật*” và Em Chu Minh Sang lớp 10A5 đạt giải Nhất Cuộc thi “*Tài năng nhạc cụ*” cấp cụm và giải Ba cấp Thành phố.

- Trong cuộc thi AI young Guru, đoàn học sinh nhà trường do thầy giáo Nguyễn Ngọc Tuấn hướng dẫn cùng với 2 học sinh: 02 học sinh Nguyễn Mạnh Hùng lớp 11A01 và Nguyễn Phú Bình lớp 11A06 tham dự cuộc thi AI Young Guru do trường Đại học FPT tổ chức đã xuất sắc vượt qua hàng nghìn đội đến từ các trường trên cả nước để lọt vào top 8 đội mạnh nhất và đã giành giải khuyến khích.

Em Nguyễn Mạnh Hùng vinh dự được Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội vinh danh tại lễ tuyên dương khen thưởng học sinh giỏi tiêu biểu thủ đô năm học 2025-2026

* Kết quả của giáo viên:

Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp cụm Trường THPT Thạch Thất đạt 2 giải Nhì thuộc về cô giáo Lê Thị Hoa (môn Ngữ Văn) và cô giáo Đào Thị Thuỳ (môn Địa lý); cùng với đó là 1 giải Ba của Thầy giáo Vũ Duy Khiêm (môn Tin học).

Nơi nhận:

- Sở GDĐT Hà Nội;
- Đăng website trường;
- Lưu: VT.

